

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/DSST

Ngày: 29/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ**

2. Bà **Đinh Thị Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2926/2021/TLST-DS, ngày 08/3/2021; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐXXST-DS, ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2022/QĐST-DS, ngày 04/8/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị N, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Kim Thị Sa R, sinh năm 1968; Ông Thạch S, sinh năm 1961; Cùng cư trú: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị N trình bày:

Vào các ngày 18/3/2018, 08/12/2019 và ngày 05/02/2020, bà Kim Thị Sa R có tổ chức khai rất nhiều dây hụi, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 1.000.000 đồng (Hụi nửa tháng khai 01 lần); 3.000.000 đồng (Hụi nửa tháng khai 01 lần); 5.000.000 đồng (Hụi khai theo vụ lúa), chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho chị theo dõi, huê hồng đầu thảo hưởng đối với dây hụi 1.000.000 đồng là 300.000 đồng/lần hốt, đối với hụi 3.000.000 đồng là 900.000 đồng/lần hốt, đối với hụi 5.000.000 đồng là 2.000.000 đồng/lần hốt. Tất cả các dây hụi nêu trên chị đã đóng hụi sống đến lần khai thứ 7, đến lần khai thứ 8 thì bà Sa R úp hụi không khai hụi tiếp, cụ thể từng dây hụi như sau:

- Hội mở ngày 18/3/2018, loại hội 5.000.000 đồng, hội gồm 17 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng hội sống với số tiền 17.660.000 đồng.

- Hội mở ngày 08/12/2019, loại hội 5.000.000 đồng, hội gồm 17 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng hội sống với số tiền 17.290.000 đồng.

- Hội mở ngày 05/02/2020, loại hội 3.000.000 đồng, hội gồm 15 phần, trong mỗi dây chị đều tham gia 01 phần cụ thể ở mỗi dây như sau: Dây hội số 01, chị đóng hội sống bằng 6.860.000 đồng; Dây hội số 02, chị đóng hội sống bằng 6.650.000 đồng; Dây hội số 11, chị đóng hội sống bằng 6.800.000 đồng; Dây hội số 12, chị đóng hội sống bằng 6.620.000 đồng; Dây hội số 13, chị đóng hội sống bằng 6.940.000 đồng; Dây hội số 14, chị đóng hội sống bằng 7.170.000 đồng; Dây hội số 18, chị đóng hội sống bằng 7.260.000 đồng; Dây hội số 19, chị đóng hội sống bằng 7.280.000 đồng; Dây hội số 20, chị đóng hội sống bằng 7.210.000 đồng; Dây hội số 21, chị đóng hội sống bằng 7.260.000 đồng; Dây hội số 23, chị đóng hội sống bằng 7.330.000 đồng; Dây hội số 24, chị đóng hội sống bằng 7.380.000 đồng; Dây hội số 25, chị đóng hội sống bằng 7.360.000 đồng; Dây hội số 26, chị đóng hội sống bằng 7.360.000 đồng. Tổng cộng chị đóng với số tiền 99.480.000 đồng.

- Hội mở ngày 05/02/2020, loại hội 1.000.000 đồng, hội gồm 15 phần, trong mỗi dây chị đều tham gia 01 phần cụ thể ở mỗi dây như sau: Dây hội số 02, chị đóng hội sống bằng 3.680.000 đồng; Dây hội số 04, chị đóng hội sống bằng 3.530.000 đồng; Dây hội số 5, chị đóng hội sống bằng 3.630.000 đồng; Dây hội số 6, chị đóng hội sống bằng 3.690.000 đồng; Dây hội số 11, chị đóng hội sống bằng 3.670.000 đồng; Dây hội số 15, chị đóng hội sống bằng 3.380.000 đồng; Dây hội số 17, chị đóng hội sống bằng 3.570.000 đồng; Dây hội số 18, chị đóng hội sống bằng 3.500.000 đồng. Tổng cộng chị đóng với số tiền 28.650.000 đồng.

Như vậy tổng cộng trong các dây hội nêu trên chị đã đóng hội sống là 163.080.000 đồng. Sau đó giữa chị với bà Sa R có cân trừ số tiền hội với nhau, số tiền thực tế bà Sa R còn nợ chị tổng cộng là 159.970.000 đồng. Vào tháng 10/2020 bà Sa R có gửi cho chị số tiền 4.000.000 đồng nên số tiền còn nợ 155.970.000 đồng. Nay chị N yêu cầu bà Kim Thị Sa R cùng chồng là ông Thạch S có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hội sống đã góp 155.970.000 đồng. Chị N không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải vụ án chị Thạch Thị N có làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S. Tòa án có ban hành Quyết định số: 02/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 12/11/2021 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản: Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.930,1m² nằm trong diện tích đất 3.130,1m² thuộc thửa 838, tờ bản đồ số 22, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch S và bà Kim Thị Sa R đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kim Thị Sa R trình bày:

Bà thừa nhận có tổ chức làm chủ đầu thảo các dây hụi nêu trên như chị N trình bày và chị N có tham gia chơi hụi, góp hụi sống như chị N khai. Do nhiều hụi viên trong các dây hụi không góp hụi chết đầy đủ nên bà không còn khả năng choàng hụi và tuyên bố úp hụi cùng ở lần khai thứ 8.

Bà Sa R đồng ý trả cho chị N số tiền hụi sống như chị N yêu cầu nhưng bà chỉ trả khi nào bà gom được tiền của các hụi viên. Bà không thừa nhận việc chồng bà là ông S có biết việc chơi hụi nên không có trách nhiệm trả nợ cùng bà.

Đối với bị đơn ông Thạch S: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà ông S và chị N đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Bà Kim Thị Sa R thống nhất số tiền chị N đã góp hụi sống trong các dây hụi bà làm chủ đầu thảo như chị Ngọc yêu cầu.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Chị N yêu cầu chồng bà Sa R là ông Thạch S có trách nhiệm cùng với bà Sa R trả số tiền hụi còn nợ cho chị, bà Sa R không đồng ý và ông S vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bị đơn bà Kim Thị Sa R được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, ông Thạch S trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án ông Thạch S đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Thạch S vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Sa R, ông S.

Ngày 29/9/2021, Tòa án ra quyết định nhập 24 vụ án thụ lý từ số: 2900 đến số: 2926/TLST-DS, ngày 08/3/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” thành 01 vụ án thụ lý số: 2926/2021/TLST-DS, ngày 08/3/2021.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Thạch Thị N và bà Kim Thị Sa R có lời khai thống nhất xác định: Bà Kim Thị Sa R có làm chủ đầu thảo hụi, chị Thạch Thị N có tham gia trong các dây hụi do bà Sa R mở và chị N có đóng tiền hụi sống như

chị N đã khởi kiện bằng 163.080.000 đồng. Sau đó giữa chị với bà Sa R tính toán lại với nhau và bà Sa R có gửi trả cho chị N số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền hội sống bà Sa R, ông S phải trả cho chị N là 155.970.000 đồng.

[3] Xét thấy: Bà Kim Thị Sa R thừa nhận có làm chủ đầu thảo hội và chị Thạch Thị N có tham gia góp hội, bà Sa R còn nợ với số tiền 155.970.000 đồng. Bà Sa R, chị N xác định các dây hội nêu trên đều đã bể hội, bà Sa R cũng thừa nhận còn nợ số tiền hội sống của chị N đã đóng. Do hội đều đã bể, bà Sa R không khai hội tiếp nên chủ đầu thảo là bà Kim Thị Sa R phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hội sống như chị N yêu cầu. Bà Sa R cho rằng bà chỉ trả nợ khi các hội viên khác trả tiền hội cho bà là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với ông Thạch S mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị N, nhưng Tòa án có thông báo về việc chị N khởi kiện và yêu cầu của chị N nhưng ông Thạch S không có ý kiến về nội dung chị N đã khởi kiện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Khi bà Sa R làm chủ đầu thảo hội là trong thời kỳ hôn nhân và ông S vẫn sống chung nhà nên việc bà Sa R cho rằng ông Thạch S không biết là không có căn cứ và ông Thạch S cũng không có ý kiến về nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ buộc bà Sa R cùng ông Thạch S phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị N với số tiền 155.970.000 đồng. Chị Thạch Thị N không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] Căn cứ vào nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP, ngày 24/9/2020, hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

[6] Xét thấy ông Thạch S thuộc diện người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên buộc bà Sa R và ông S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Thạch Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 42, 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phùng;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP, ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị N.

Buộc bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S có trách nhiệm liên đới trả cho chị Thạch Thị N tiền hụi sống đã góp bằng 155.970.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Chị Thạch Thị N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S phải chịu 7.798.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho chị Thạch Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.896.750 đồng theo các biên lai thu tiền số 0001863, 0001862, 0001861, 0001860, 0001859, 0001858, 0001857, 0001855, 0001854, 0001853, 0001852, 0001851, 0001849, 0001846, 0001845, 0001844, 0001843, 0001842, 0001841, 0001840, 0001839, 0001838, 0001837, 0001836 cùng ngày 23/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tú Trinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Quân– Hồ Chí Cường Dương Thị Mỹ Châm